

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1881/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 10 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung,
thay thế trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết
của Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Cao Bằng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3154/QĐ-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 3532/QĐ-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Quyết định số 3154/QĐ-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2025 công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 2081/TTr-BQLKKT ngày 05 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 02 thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Cao Bằng (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 3154/QĐ-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2025 và Quyết định số 3532/QĐ-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế 02 thủ tục hành chính số thứ tự 03, 16 phần A tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam, lĩnh vực việc làm, lĩnh vực tiền lương thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng và thay thế 03 thủ tục hành chính số thứ tự 02, 03, 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng.

Quyết định này bãi bỏ 05 thủ tục hành chính số thứ tự số thứ tự 8, 9, 10, 12, 13 tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam, lĩnh vực việc làm, lĩnh vực tiền lương thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng và 07 thủ tục hành chính số thứ tự 01, 04, 05, 06, 07, 8, 9 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng.

Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam không được sửa đổi, thay thế tại Quyết định này tiếp tục thực hiện theo các Quyết định gồm: Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam, lĩnh vực việc làm, lĩnh vực tiền lương thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hải Hòa

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ
TẠI VIỆT NAM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số: 1881/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG¹ (05 TTHC)

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý (1.009.748)	- 12 ngày làm việc: + Ban: 07 ngày. + Các Sở, ngành, đơn vị liên quan: 5 ngày.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Không có	- Luật số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Nghị định số 19/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025; - Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023.	- Nội dung sửa đổi bổ sung: Thay đổi thời hạn giải quyết; địa điểm thực hiện, căn cứ pháp lý. - Cắt giảm 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định (từ 17 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc)
2	Thủ tục chấp	- 12 ngày làm	Trung tâm	- Trực tiếp.	Không	- Luật số 61/2020/QH14 ngày	- Nội dung sửa đổi

¹ Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế (1.009.755)	việc: + Ban: 7 ngày. + Các Sở, ngành, đơn vị liên quan: 5 ngày.	phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	có	17/6/2020; - Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Nghị định số 19/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025; - Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023;	bổ sung: Thay đổi thời hạn giải quyết; địa điểm thực hiện, căn cứ pháp lý. - Cắt giảm 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định (từ 17 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc)
3	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (Ban Quản lý thực	07 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Không có	- Luật số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025; - Thông tư số 03/2021/TT-	- Nội dung sửa đổi bổ sung: Thay đổi thời hạn giải quyết; địa điểm thực hiện, căn cứ pháp lý. - Cắt giảm 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định (từ 10 ngày làm việc xuống

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hiện) (1.009.756)					BKHĐT ngày 09/4/2021; - Thông tư số 25/2023/TT- BKHĐT ngày 31/12/2023.	còn 07 ngày làm việc)
4	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền Ban quản lý (1.009770)	- 12 ngày làm việc: + Ban: 07 ngày. + Các Sở, ngành, đơn vị liên quan: 05 ngày.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Không có	- Luật số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025; - Nghị định số 31/2021/NĐ- CP ngày 26/3/2021; - Nghị định số 239/2025/NĐ- CP ngày 03/9/2025; - Thông tư số 03/2021/TT- BKHĐT ngày 09/4/2021; - Thông tư số 25/2023/TT- BKHĐT ngày 31/12/2023.	- Nội dung sửa đổi bổ sung: Thay đổi thời hạn giải quyết; địa điểm thực hiện, căn cứ pháp lý. - Cắt giảm 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định (từ 17 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc)
5	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần góp vốn đối với nhà đầu tư nước ngoài	- 08 ngày làm việc: + Ban: 5 ngày; + Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Công an tỉnh: 03 ngày.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Không có	- Luật số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ- CP ngày 26/3/2021; - Nghị định số 239/2025/NĐ- CP ngày 03/9/2025; - Thông tư số 03/2021/TT- BKHĐT ngày 09/4/2021; - Thông tư số 25/2023/TT-	- Nội dung sửa đổi bổ sung: Thay đổi thời hạn giải quyết; địa điểm thực hiện, căn cứ pháp lý. - Cắt giảm 20% thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định (từ 10 ngày làm việc xuống

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(Ban Quản lý thực hiện) (1.009775)					BKHĐT ngày 31/12/2023.	còn 08 ngày làm việc)

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ (02 TTHC)

STT	Tên TTHC được thay thế (Mã TTHC)	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban quản lý (1.009.759)	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban quản lý (1.009759)	<i>* Các trường hợp điều chỉnh gồm: (a1) Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban quản lý; (a2) Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý; (a3) Điều chỉnh dự án</i>	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Không có	- Luật số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Nghị định số 19/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025; - Nghị định số 239/2025/NĐ-	- Thay đổi, hợp nhất tên TTHC. - Thay đổi thời hạn giải quyết; địa điểm thực hiện; căn cứ pháp lý. - Cắt giảm 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định (từ 17 ngày xuống còn 12 ngày làm việc đối với các
2	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh							

STT	Tên TTHC được thay thế (Mã TTHC)	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.009757)		<i>đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý;</i>				<i>CP ngày 03/9/2025;</i>	trường hợp từ a1 đến a7; từ 12 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc đối với trường hợp a8).
3	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý (1.009.762)		<i>sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý; (a4) Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý; (a5) Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận</i>				<i>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021;</i> <i>- Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023.</i>	- Giảm 08 TTHC sau hợp nhất
4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư							

STT	Tên TTHC được thay thế (Mã TTHC)	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý (1.009763)		<i>chủ trương đầu tư của Ban Quản lý; (a6) Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với</i>					
5	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý (1.009.764)		<i>đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý; (a7) Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với</i>					
6	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi		<i>để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý: 12 ngày làm việc.</i>					

STT	Tên TTHC được thay thế (Mã TTHC)	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý (1.009765)		* Trường hợp (a8): Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ- CP): 8 ngày làm việc					
7	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý (1.009766)							

STT	Tên TTHC được thay thế (Mã TTHC)	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) (1.009768)							
10	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (1.009760)	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Ban Quản lý thực hiện) (1.009760)	- (a1) Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc điều chỉnh tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại điểm 1b Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP hoặc nhà đầu tư có nhu cầu cập nhật thông tin về địa điểm thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Không có	- Luật số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Nghị định số 239/2025/NĐ- CP ngày 03/9/2025;	- Thay đổi, hợp nhất tên TTHC. - Thay đổi thời hạn giải quyết; địa điểm thực hiện, căn cứ pháp lý. - Cắt giảm 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định (từ 07 ngày xuống còn 05 ngày làm việc đối với trường hợp a2; từ 05 ngày làm việc

STT	Tên TTHC được thay thế (Mã TTHC)	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số		quyền địa phương hai cấp: 03 ngày làm việc. - (a2) Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư không thuộc trường hợp a1 nêu trên: 05 ngày làm việc. - (a3) Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-				- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023.	xuống còn 03 ngày làm việc đối với trường hợp a3). - Giảm 01 TTHC sau hợp nhất.

STT	Tên TTHC được thay thế (Mã TTHC)	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	31/2021/NĐ-CP) (1.009769)		CP): 03 ngày làm việc.					

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GIẢM TRÊN CƠ SỞ HỢP NHẤT, THAY THẾ CÁC TTHC TẠI MỤC B PHỤ LỤC NÀY (09 TTHC)

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Lý do giảm	Cơ quan thực hiện	Tên văn bản đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
1	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (1.009.757)	Trên cơ sở hợp nhất các TTHC, thay thế các TTHC số 1.009757, 1.009762, 1.009763, 1.009764, 1.009765, 1.009766, 1.009767, 1.009768 bằng TTHC số 1.009759 với tên gọi Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý từ đó cắt giảm các mã TTHC này.	Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan và thẩm định trình UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc Ban Quản lý chấp thuận chủ trương đầu tư	Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (1.009762)			Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của			Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

	UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (1.009763)			
4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (1.009764)			Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.
5	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (1.009765)			Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.
6	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (1.009766)			Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.
7	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh			Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

	hoặc Ban Quản lý (1.009767)			
8	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) (1.009768)			Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
9	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) (1.009769)	Trên cơ sở hợp nhất các TTHC, thay thế các TTHC số 1.009760, 1.009769 bằng TTHC số 1.009760, từ đó cắt giảm 01 mã TTHC	Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan và thẩm định, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư	Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh

Tổng số danh mục TTHC công bố: 07 TTHC

Trong đó: - Sửa đổi, bổ sung: 05 TTHC;

- Thay thế: 02 TTHC;

Tổng số TTHC giảm trên cơ sở hợp nhất, thay thế: 09 TTHC;

Tổng số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 07 TTHC.

TTHC cắt giảm thời hạn giải quyết: 07 TTHC

TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính: 07 TTHC.